

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Vương
2. Ông Nguyễn Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Tú N, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Huỳnh Tú N:

Hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TLB, Huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 04/10/2007. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài, bà và ông T đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà N yêu cầu ly hôn với ông T.

Con chung: Bà N và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 03/9/2003 (giới tính nữ) và Nguyễn Đại P, sinh ngày 07/6/2006 (giới tính nam), hiện bà N đang nuôi dạy cháu C, ông T đang nuôi dạy cháu Phát. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu C, bà tự nguyện để ông T nuôi dạy cháu P, bà N không đặt ra yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

Trình bày của ông Nguyễn Văn T tại biên bản ghi lời khai ngày 08/5/2019:

Hôn nhân: Ông T và bà N tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TLB, Huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 04/10/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài, bà N tự ý bỏ nhà ra đi từ tháng 9 năm 2018. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay.

Con chung: Ông T và bà N có 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 03/9/2003 (giới tính nữ) và Nguyễn Đại P, sinh ngày 07/6/2006 (giới tính nam), hiện bà N đang nuôi dạy cháu Châu, ông T đang nuôi dạy cháu Phát. Khi ly hôn, ông tự nguyện để cho bà N tiếp tục nuôi dạy cháu Châu, ông tiếp tục nuôi dạy cháu P, ông không đặt ra yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

Do bận việc làm ăn nên ông T xin vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của bà N là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Huỳnh Tú N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông N. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông T có nơi cư trú tại ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nhuộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho ông T nhưng ông T không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà N và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành ghi lời khai của ông T và đưa vụ án ra xét xử, có triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông T xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 04/10/2007. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà N cho rằng thời gian chung sống giữa ông bà xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà N và ông T không đạt được, ông bà đã được gia đình hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, bà N và ông T đã ly thân từ tháng 19 năm 2018 cho đến nay. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà N và ông T có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông T vắng mặt phiên hòa giải, tòa án tiến hành làm việc lấy lời khai của ông T, qua làm việc ông T thống nhất ly hôn với bà N và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, Hội

đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận cho bà N và ông T thuận tình ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà N và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 03/9/2003 (giới tính nữ) và Nguyễn Đại P, sinh ngày 07/6/2006 (giới tính nam), hiện bà N đang nuôi dạy cháu C, ông T đang nuôi dạy cháu P. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu C, bà tự nguyện để ông T nuôi dạy cháu P. Xét thấy các cháu C và P đều trên 09 tuổi, cháu C có nguyện vọng sống với mẹ, cháu P có nguyện vọng sống với cha, tại biên bản ghi lời khai ông T thống nhất với ý kiến của bà N về con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà N là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà N, ông T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà N, ông T xác định không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà N và ông T xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại đơn xác nhận ngày 15/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận vợ chồng bà N và ông T không có ai yêu cầu về nợ đối tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.
2. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Tú N về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2.1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Tú N và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 03/9/2003 (giới tính nữ) cho bà N tiếp tục nuôi dạy. Giao cháu Nguyễn Đại P, sinh ngày 07/6/2006 (giới tính nam) cho ông T tiếp tục nuôi dạy, bà N và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà N, ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 01 tháng 3 năm 2019 bà N có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005990 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TLB;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh